

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU CHI QUÝ 3/2026

KỲ BÁO CÁO TỪ NGÀY 01/7/2026 ĐẾN 30/9/2026

Đơn vị tính: VND

STT	Tên nội dung	Diễn giải	Số tiền đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
A	SỐ DƯ TÀI KHOẢN TỚI NGÀY 01/7/2026	A = A1+A2+A3	183,301,282,578			
1	Quỹ bảo trì	A1	178,334,105,693			Bảng số 1
2	Quỹ vận hành	A2	1,062,609,654			Bảng số 5
3	Quỹ cộng đồng	A3	3,904,567,231			Bảng số 8
B	CÁC KHOẢN THU	B = B1 +B2 +B3		5,577,112,480		
1	Quỹ bảo trì	B1	-	5,234,196,931		Bảng số 1
1.1	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn			854,158		
1.2	Thu standee đặt tại các sảnh			84,760,000		
1.3	Tắt toán hợp đồng tiền gửi			5,082,296,942		
1.4	Các khoản thu khác			66,285,831		
2	Quỹ vận hành	B2	-	108,861,845		Bảng số 5
2.1	Nguồn thu từ thù lao dư sau khi trả các thành viên BQT			108,300,000		
2.2	Lãi không kỳ hạn của tài khoản			561,845		
2.3	Cư dân chuyển nhầm vào Quỹ vận hành			-		
3	Quỹ cộng đồng	B3	-	234,053,704		Chi tiết Bảng số 8
C	CÁC KHOẢN ĐÃ CHI	C=C1+C2+C3	-		7,395,039,615	
1	Quỹ bảo trì	C1	-		7,003,727,197	Bảng số 1
	Trong đó - Chi từ TK không kỳ hạn				1,921,430,255	
	- Chi từ TK có kỳ hạn - tiết kiệm				5,082,296,942	
2	Quỹ vận hành	C2			3,124,000	Bảng số 5
3	Quỹ cộng đồng	C3			388,188,418	Bảng số 8
D	SỐ DƯ TÀI KHOẢN TỚI NGÀY 30/09/2026	D=D1+D2+D3	181,483,355,443			
1	Quỹ bảo trì	D1	176,564,575,427			Bảng số 1
2	Quỹ vận hành	D2	1,168,347,499			Bảng số 5
3	Quỹ cộng đồng	D3	3,750,432,517			Bảng số 8

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lê Văn Nam

TM BQT khu Sapphire
Trưởng Ban



Nguyễn Thành Vinh

BÁO CÁO THU CHI QUÝ 3/2026 - QUỸ BẢO TRÌ

KỲ BÁO CÁO TỪ NGÀY 01/07/2026 ĐẾN NGÀY 30/9/2026

Bảng số 1

STT	Tên nội dung	Diễn giải	Số tiền đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
A	SỐ DƯ TÀI KHOẢN TỚI NGÀY 01/07/2026	A = A1+A2	178,334,105,693			
1	Số dư tiền gửi không có kỳ hạn tại BIDV	A1	251,808,751			
2	Số dư tiền gửi có kỳ hạn	A2	178,082,296,942			
	MSB		5,000,000,000			
	SHB		165,000,000,000			
	Viettin Bank		4,000,000,000			
	MB Bank		4,082,296,942			
B	CÁC KHOẢN THU CỦA QUỸ BẢO TRÌ	B = B1 +B2 +B3+C3		5,234,196,931		
1	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	B1		854,158		
	Tháng 7/2026			40,684		
	Tháng 8/2026			199,922		
	Tháng 9/2026			613,552		
2	Thu standee đặt tại các sảnh	B2		84,760,000		Xem chi tiết bảng 04
3	Các khoản thu khác	B3		66,285,831		
	DANG THI HAO Chuyen thanh toan mua vat tu hu hong tai GMC S			7,077,000		Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
	Các bên mua hồ sơ dự thầu			24,000,000		
	Lãi tất toán tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn			35,208,831		
C	CÁC KHOẢN ĐÃ CHI TỪ QUỸ BẢO TRÌ	C = C1+ C2+C3			7,003,727,197	
C.1	Các khoản chi từ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn				1,921,430,255	
1	Phí ngân hàng	C1			1,405,525	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2	Thanh toán các công tác bảo trì	C2			1,920,024,730	

STT	Tên nội dung	Diễn giải	Số tiền đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
2.1	TT HD 2104.2026.HDKT.SC.GM CUNG CẤP VÀ THI CÔNG ĐÁ TỰ NHIÊN LỖI LÊN NGƯỜI KHUYẾT TẬT CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN SC GREEN				61,419,800.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.2	TU 50 PHAN TRAM GTRI TRƯỚC THUÊ HD SỐ 276.2026.HDDV.SAPPHIRE.CONIMEC HÀNG MỨC CC DN THAY THE VÀ SỬA CHỮA TỦ CỬU HỒ THANG MÁY CC SAPPHIRE CHO CTY CP KT CD CONINCO CTY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG ĐIỆN CONINCO				85,550,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.3	TT HD 1805.2026.HDKT.SC.GM THI CÔNG SỬA CHỮA DƯƠNG ONG THOÁT NƯỚC TRỤC 02 TỌA S1 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN SC GREEN				20,250,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.4	TT HÀNG MỨC CUNG CẤP DV BẢO TRÌ THANG MÁY PHÂN SỬ DỤNG CỦA NHÀ CC SAPPHIRE T11 12.2025 VÀ 01.2026 THEO HD SỐ 1101.01.2023.HDBT.SAPPHIRE.CONIMEC CTY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG ĐIỆN CONINCO				300,976,500.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.5	TT TẠM ƯNG THAY THE TB KHÔI DÔNG MEM KHÔI DÔNG TỦ TẠI TỦ BƠM NƯỚC SINH HOẠT THEO HD SỐ 807.2026.HDMB.BQT.VNT CÔNG TY TNHH TƯ DONG HOA VINATEC				78,277,590.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.6	TT SỐ TIỀN CÒN LẠI CỦA GIÁ TRỊ HỢP DỒNG SỐ 204.HD.BQT.DL HÀNG MỨC LẮM NẠP BỂ NƯỚC SINH HOẠT NHÀ CC SAPPHIRE.KHU ĐO THI GOLDMARK CITY CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUANG CAO ĐẠI LAM				12,997,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.7	TT TẠM ƯNG 30 PHÂN TRAM GT HD SỐ 1.2007.HD2026.MINHTRI.GOLDMARK HÀNG MỨC BẢO TRÌ SỬA CHỮA BƠM SINH HOẠT CTY TNHH KT VÀ TB DONG BO MINH TRI				57,697,920.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.8	TT TẠM ƯNG 50 PHÂN TRAM GT HỢP DỒNG SỐ 2407.2026.HDTC.DAI DUONG.CHUNG CU SAPPHIRE HÀNG MỨC THÔNG TẮC BÓN TIÊU NAM VÀ THAY THE THIẾT BỊ VE SINH TANG 1 CT TNHH TM VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN ĐẠI DUONG				56,432,700.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.9	TT TẠM ƯNG 30 PHÂN TRAM GT HD SỐ 2.2007.HD.2026.MINHTRI.GOLDMARK HÀNG MỨC SỬA CHỮA THANH DÂN HUONG BƠM BỂ PHOT BƠM HỒ PIT BƠM TIÊU CÁN TỦ BƠM HỒ PIT RAM ĐOC B2 CTY TNHH KT VÀ TB DONG BO MINH TRI				39,803,400.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.10	TT LAN 2 HÀNG MỨC THAY THE TB KHÔI DÔNG MEM KHÔI DÔNG TỦ TẠI TỦ BƠM NƯỚC SH THEO HD SỐ 807.2026.HDMB.BQT.VNT CÔNG TY TNHH TƯ DONG HOA VINATEC				156,555,180.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.11	REF_R0M2688JA0K4GB3_BQT NHÀ CHUNG CƯ SAPPHIRE KĐT GOLDMARK CITY TT SỬA CHỮA DIEU HOA_F0_0030110497004_LE THANH TUYEN_NHH_01311001				19,600,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT

STT	Tên nội dung	Diễn giải	Số tiền đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
2.12	TAM UNG HOP DONG SO 1208.2026.HDKT.SC.GM HANG MUC SUA CHUA GACH VOI PHONG ROP KHU HANH LANG CONG CONG CTCP XD VA TM BINH MINH NGHIA				217,522,500.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.13	REF_R0M268CQYO0VL6HB_BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY TAM UNG HANG MUC CUNG CAP LAP DAT BAO HANH CAP TAI CHINH THANG MAY 50% THEO HOP DONG SO 218.2026.HDKT.CONIMEC.SAPPHIRE_F/0_0591101854009_CONG TY CO PHAN KY THUAT CO DIEN CONINCO_NHH_01311001				492,183,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.14	TT TAM UNG HOP DONG SO 2508.2026.HD.TNT.SAPPHIRE LAP DAT DIEU HOA PHONG KSCN TOA S4 CONG TY TNHH THAO NGUYEN TRANG				30,000,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.15	TAM UNG HOP DONG SO 030.2026.HDKT.BQT.BMN HANG MUC CUNG CAP VA THI CONG THAY THE DA LAT SAN CABIN THANG MAY KHU SAPPHIRE CTCP XD VA TM BINH MINH NGHIA				124,740,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.16	QUYET TOAN GIA TRI HD 2407.2026.HDTC.DAIDUONG. CHUNG CU SAPPHIRE HANG MUC THONG TAC BON TIEU NAM VA THAY THE THIET BI VE SINH TANG 1 CT TNHH TM VA DICH VU DIEN DAI DUONG				56,432,700.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.17	TT GIA TRI HD SO NQV250919.KONE.GOLDMARK SAPPHIRE HANG MUC CUNG CAP NHAN CONG KIEM TRA THANG MAY CONG TY TNHH KONE VIET NAM				28,000,000.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
2.18	TT GIA TRI HD SO 0505.2026.GOLDMARK.TL VA PHU LUC HD SO 1.2026.PLHD HANG MUC CUNG CAP VAT TU PHU TUNG BAO TRI BAO DUONG MAY PHAT DIEN_CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU KY THUAT TRUONG LOC				81,586,440.00	Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
3	Mở - tất toán hợp đồng tiền gửi	C3		5,082,296,942.00	0.00	
3.1	TAT TOAN HDTG SO 5492780400140			4,082,296,942		Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
3.2	Tat toan tien gui tiet kiem ve Quy bao tri			1,000,000,000		Sổ phụ ngân hàng quỹ BT
C.2	Các khoản chi từ TK tiền gửi có kỳ hạn -TK tiết kiệm	C.2				
	Tất toán hợp đồng Tiết kiệm- rút tiết kiệm				5,082,296,942	
D	SỐ DƯ TÀI KHOẢN TỚI NGÀY 30/09/2026	D = D1+D2	176,564,575,427			
I	Số dư tiền gửi không kỳ hạn	D1	3,564,575,427			
	0		-			

STT	Tên nội dung	Diễn giải	Số tiền đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
2	Số dư tiền gửi có kỳ hạn	D2=A2-C.2	173,000,000,000			Xem chi tiết bảng 02
2.1	MSB		4,000,000,000			
2.2	SHB		165,000,000,000			
2.3	Viettin Bank		4,000,000,000			
2.4	MB Bank		-			

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lã Văn Nam

TM BQT khu Sapphire
Trưởng Ban



Nguyễn Thành Vinh

DANH SÁCH CÁC HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI QUỸ BẢO TRÌ TÍNH ĐẾN NGÀY 30/09/2026

Bảng số 2

STT	Tên tài khoản	Chi tiết nội dung				Số tiền đầu kỳ (01/07/2026)	Số tiền tính đến thời điểm báo cáo ngày 30/09/2026	Ghi chú
		Kỳ hạn	Lãi suất (tính theo năm)	Ngày đầu tiên	Ngày kết thúc			
A	SHB							
1	HD tiền gửi QBT 05 tỉ đồng	12 tháng		22/04/2026	22/04/2027	5,000,000,000	5,000,000,000	Lãi được cộng vào cuối kỳ hạn gửi
2	Hợp đồng tiền gửi Quỹ bảo trì - HĐTG 160 tỉ đồng	12 tháng		06/10/2025	06/10/2026	160,000,000,000	160,000,000,000	Lãi được cộng vào cuối kỳ hạn gửi
Số dư tiền gửi quỹ bảo trì tại SHB						165,000,000,000	165,000,000,000	
B	VIETINBANK							
1	Hợp đồng tiền gửi Quỹ bảo trì - HĐTG 04 tỉ đồng	12 tháng		06/10/2025	06/10/2026	4,000,000,000	4,000,000,000	Lãi được cộng vào cuối kỳ hạn gửi
Số dư tiền gửi quỹ bảo trì tại VIETINBANK						4,000,000,000	4,000,000,000	
C	MSB							
1	Hợp đồng tiền gửi Quỹ bảo trì - HĐTG 02 tỉ đồng	1 tháng, tự quay vòng		11/05/2026	11/06/2026	2,000,000,000	1,000,000,000	Lãi được cộng vào cuối kỳ hạn gửi
2	Hợp đồng tiền gửi Quỹ bảo trì - HĐTG 03 tỉ đồng	3 tháng, tự quay vòng		11/05/2026	11/08/2026	3,000,000,000	3,000,000,000	Lãi được cộng vào cuối kỳ hạn gửi
Số dư tiền gửi quỹ bảo trì tại MSB						5,000,000,000	4,000,000,000	
E	MBBank							
1	Hợp đồng tiền gửi Quỹ bảo trì - HĐTG 04 tỉ đồng	06 tháng		06/10/2025	06/04/2026	4,082,296,942		
Số dư tiền gửi quỹ bảo trì tại MBBank						4,082,296,942	-	
TỔNG CỘNG (A+B+C)						178,082,296,942	173,000,000,000	

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lê Văn Nam

TM BOT khu Sapphire
Trương Ban



Nguyễn Thanh Vinh

DANH SÁCH CÁC HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI QUỸ CỘNG ĐỒNG TÍNH ĐẾN NGÀY 30/09/2026

Bảng số 2.1

STT	Tên tài khoản	Chi tiết nội dung				Số tiền đầu kỳ (01/07/2026)	Số tiền tính đến thời điểm báo cáo ngày 30/09/2026	Ghi chú
		Kỳ hạn	Lãi suất (tính theo năm)	Ngày đầu tiên	Ngày kết thúc			
A	MSB							
1	Hợp đồng tiền gửi Quỹ cộng đồng - HĐTG 500 triệu đồng	1 tháng, tự quay vòng		11/05/2026	11/10/2026	500,000,000	500,000,000	Lãi được cộng vào cuối kỳ hạn gửi
B	SHB							
1	Hợp đồng tiền gửi Quỹ cộng đồng - HĐTG 03 tỉ đồng	1 năm, tự quay vòng		24/04/2026	24/04/2027	3,000,000,000	3,000,000,000	Lãi được cộng vào cuối kỳ hạn gửi
	TỔNG CỘNG (A+B)					3,500,000,000	3,500,000,000	

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lê Văn Nam

TM BQT khu Sapphire
Trưởng Ban



Nguyễn Thành Vinh

DANH SÁCH ĐƠN VỊ ĐÃ CHUYỂN TIỀN VÀO QUỸ BẢO TRÌ TIỀN THUÊ ĐỊA ĐIỂM GIỚI THIỆU SẢN PHẨM KHU SAPPHIRE
KỲ BÁO CÁO TỪ NGÀY 01/07/2026 ĐẾN NGÀY 30/9/2026

Bảng số 4

STT	Ngày chuyển tiền	Người chuyển	Tên đơn vị thuê	Địa chỉ	Số tiền	Ghi chú
1	05/07/2026	Thanh toán tiền thuê dot 1 tu 25 05 2026 den 19 11 2026 cua 2 bien quang cao theo hop dong so 2026 HDTV T SAPPHIRE GOLDMARK		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	23,000,000.00	Quỹ bảo trì
2	18/07/2026	Viettell		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	4,000,000.00	Quỹ bảo trì
3	28/07/2026	NGUYEN PHUONG LINH CHUYEN KHOAN THUE DAT STANDEE		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	700,000.00	Quỹ bảo trì
4	31/07/2026	CONG TY CO PHAN TAM LOC PHAT chuyen khoan		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	6,000,000.00	Quỹ bảo trì
5	11/08/2026	Kfvina thuê vị trí đất standee		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	1,680,000.00	Quỹ bảo trì
6	11/08/2026	Kfvina thuê vị trí đất standee		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	1,680,000.00	Quỹ bảo trì
7	13/08/2026	Tham my Quoc te Sapphire thanh toán phí thuê địa điểm.CT tu NGUYEN THI HA PHUONG toi		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	1,200,000.00	Quỹ bảo trì
8	08/09/2026	AN NHIEN DENTAL DAT STANDEE		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	4,400,000.00	Quỹ bảo trì
9	19/09/2026	CTCP Lapinta dat standee		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	6,000,000.00	Quỹ bảo trì

STT	Ngày chuyển tiền	Người chuyển	Tên đơn vị thuê	Địa chỉ	Số tiền	Ghi chú
10	22/09/2026	de faifo the rox thanh toan chi phi thue dia diem		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	2,100,000.00	Quỹ bảo trì
11	25/09/2026	NG ck thue vi tri tu ngay 1903 den 1809 hd so 1912 2025 TNPM NOTE BNT		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	30,000,000.00	Quỹ bảo trì
12	30/09/2026	Viettel TT phi thue dia diem		Goldmark City 136 Hồ Tùng Mậu, P.Phú Diễn, TP. Hà Nội	4,000,000.00	Quỹ bảo trì
		Tổng cộng			84,760,000	

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lã Văn Nam

TM BQT khu Sapphire
Trưởng Ban



Nguyễn Thành Vinh

BÁO CÁO THU CHI QUÝ 3/2026 - QUỸ VẬN HÀNH

KỶ BÁO CÁO TỪ NGÀY 01/07/2026 ĐẾN NGÀY 30/9/2026

Số tài khoản 1260000151 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình.

Bảng số 05

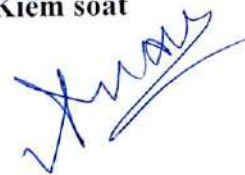
STT	Tên nội dung	DIỄN GIẢI	Số dư đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
A	SỐ DƯ ĐẦU KỲ (NGÀY 01/07/2026)	A = A1+A2 + A3	1,062,609,654			
1	Số dư tài khoản ngân hàng	A1	1.062,609,654			Chi tiết sao kê quỹ VH
2	Số dư tiền mặt	A2	0			
3	Số tiền cần phải thu	A3	0			
B	Các nguồn thu	B= B1+B2+B3		108,861,845		
1	Nguồn thu từ thù lao dư sau khi trả các thành viên BQT	B1		108,300,000		Chi tiết sao kê quỹ VH
	Thanh toán thu lao BQT Tháng 6.2026			35,300,000.00		
	Thanh toán thu lao BQT Tháng 7.2026			36,500,000.00		
	Thanh toán thu lao BQT Tháng 8.2026			36,500,000.00		
2	Lãi không kỳ hạn của tài khoản	B2 = B2.1+B2.2+B2.3		561,845		Chi tiết sao kê quỹ VH
	Thanh toán lãi tháng 07/2026	B2.1		178,115.00		
	Thanh toán lãi tháng 08/2026	B2.2		189,968.00		
	Thanh toán lãi tháng 09/2026	B2.3		193,762.00		
C	CÁC KHOẢN ĐÃ CHI TỪ QUỸ VẬN HÀNH	C = C1 + C2			3,124,000	
1	Chi phí ngân hàng (Phí rút tiền + chuyển tiền + SMS)	C1			1,969,000	Chi tiết sao kê quỹ VH
	HOAN TRA TIEN CU DAN CHUYEN NHAM VAO TK CUA BQT CHO CU DAN CAO TIEN NAM	C2			1,155,000	Chi tiết sao kê quỹ VH
D	SỐ DƯ CUỐI KỲ 30/9/2026	D = D1+D2+D3	1,168,347,499			
1	Số dư tài khoản ngân hàng	D1 = A+B-C	1,168,347,499			
2	Số dư tiền mặt	D2	0			
3	Số tiền cần phải thu	D3	0			

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lê Văn Nam

TM BQT Khu Sapphire

Trưởng Ban



Nguyễn Thành Vinh

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ TIỀN MẶT
TẠI THỜI ĐIỂM 30/09/2026

Bảng số 07

STT	Mệnh giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	500,000	24	12,000,000	
2	200,000	11	2,200,000	
3	100,000	26	2,600,000	
4	50,000	30	1,500,000	
5	20,000	19	380,000	
6	10,000	2	20,000	
7	5,000	2	10,000	
8	1,000	12	12,000	
	Tổng cộng	126	18,722,000	

Thủ quỹ



Nguyễn Thị Hương

Kiểm soát



Lê Văn Nam

Trưởng ban



Nguyễn Thành Vinh

BÁO CÁO THU CHI QUÝ 03/2026 - QUỸ CỘNG ĐỒNG - TK NGÂN HÀNG

KỲ BÁO CÁO TỪ 01/07/2026 ĐẾN 30/9/2026

Số tài khoản 2130003456 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội.

Bảng số 8

STT	Tên nội dung	DIỄN GIẢI	Số tiền đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
A	SỐ DƯ ĐẦU KỲ (NGÀY 01/07/2026)	A = A1+A2+A3	3,904,567,231			
1	Số dư tài khoản ngân hàng	A1	392,840,347	-	-	Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
2	Hợp đồng tiền gửi SHB và MSB	A2	3,500,000,000			
3	Số dư tiền mặt Quỹ cộng đồng	A3	11,726,884			
B	CÁC NGUỒN THU	B=B.1+D		234,053,704		
B.1	Thu từ TK Ngân hàng	B =B1+B2+ B7+C4		184,053,704		
1	Lãi không kỳ hạn của tài khoản	B1		164,816		
	Thanh toán lãi tháng 07/2026			67,971.00		Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
	Thanh toán lãi tháng 08/2026			61,411.00		Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
	Thanh toán lãi tháng 09/2026			35,434.00		
2	s2 tại tro trung thu 2026	B2		2,000,000.00		Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
3	Chi phí hoạt động cho BQTtháng 6,7,8/2026	B3		180,000,000		Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
4	Em Thuy TNPM ung ho cac con R3 Trung thu	B4		1,888,888.00		Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
C	CÁC KHOẢN ĐÃ CHI TỪ QUỸ CỘNG ĐỒNG TỪ TK NGÂN HÀNG	C=C1+C2+C3+C4			345,183,600	
1	Phí Ngân hàng	C1			566,170	
2	Chi cho tiện ích tòa nhà	C2			341,167,430	
2.1	THANH TOÁN CHI PHÍ DIỆN DIÊU HOA THANG MAY THANG 05.2026 TOA S1 S2 S3 S4 S5 CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT				27,197,357.00	Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
2.2	THANH TOÁN CHI PHÍ TIEN DIEN DIÊU HOA THANG MAY THANG 06.2026 TOA S1 S2 S3 S4 S5 CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT				26,892,040.00	Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
2.3	TT TAM UNG CC LAP DAT 05 CAMERA VA DUONG TRUYEN INTERNET PV THIET BI TRUYEN TIN BAO CHAY CAC PHONG KSCN THUOC CAC TOA S1.S2.S3.S4 VA D THEO HD SO 808.2026.HDMB.BQT.BN CONG TY TNHH PHAT TRIEN TM VA DỊCH VỤ BAO NGHIA				14,040,000.00	Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp

STT	Tên nội dung	DIỄN GIẢI	Số tiền đầu kỳ, cuối kỳ	Số tiền thu	Số tiền chi	Ghi chú
2.4	THANH TOÁN GÓI GIAM TỐC THEO HD SỐ 0108.2026.HD.IDS.SAPPHIRE CT TNHH TB CN IDSUN				24,559,200.00	Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
2.5	TT CHI PHI TIỀN DIỆN DIÊU HOA THANG MÁY THANG 07.2026 TOA S1,S2,S3,S4,S5 CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT				28,033,977.00	xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
2.6	MUA MÁY IN VĂN PHÒNG CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHICO				7,500,000.00	
2.7	TT TẠM ỨNG HỢP ĐỒNG SỐ 2507.2026.HD.TNT.SAPPHIRE CUNG CẤP LẬP DẤT DIÊU HOA TRAM HÀ THE 4 CÔNG TY TNHH THẢO NGUYỄN TRANG				136,750,000.00	
2.8	TT CHI PHI TIỀN DIỆN DIÊU HOA THANG MÁY THANG 8.2026 TOA S1 S2 S3 S4 S5 CTCPDT VA QL BDS TN PROPERTY MANAGEMENT				26,194,856.00	
2.9	NGUYỄN THỊ HUƠNG RÚT TIỀN MẶT				50,000,000.00	
3	<i>Nộp thuế vào ngân sách nhà nước</i>	<i>C3</i>			<i>3,450,000</i>	Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
	Nộp thuế vào ngân sách nhà nước				3,450,000	Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
4	<i>Mở - tất toán hợp đồng tiền gửi</i>	<i>C4</i>		-	-	
4.1						
4.2						
4.3						
D	CÁC KHOẢN ĐÃ CHI TỪ TK TIỀN MẶT	D		50,000,000	43,004,818	
E	SỐ DƯ TỚI NGÀY 30/09/2026	E=E1+E2+E3	3,750,432,517			
1	Số dư tài khoản ngân hàng	E1	231,710,451			Xem sổ phụ ngân hàng BIDV cung cấp
2	Hợp đồng tiền gửi SHB và MSB	E2	3,500,000,000			
3	Số dư tiền mặt	E3	18,722,066			

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lê Văn Nam

TM BQT khu Sapphire

Trưởng Ban



Nguyễn Thành Vinh

BẢNG KÊ THU CHI TIỀN MẶT CỦA QUỸ HOẠT ĐỘNG BAN QUẢN TRỊ
KỲ BÁO CÁO TỪ 01/07/2026 ĐẾN 30/9/2026

Bảng số 9

STT	NGÀY THÁNG	Người thực hiện	TÊN NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	Định mức/ dự toán	Số tiền thu vào	Số tiền chi ra	Số tiền tồn quỹ còn lại	GHI CHÚ
A			Số dư tiền mặt đến ngày 01/07/2026	đồng			-	11,726,884	Theo BCTC Quý 2/2026
B			Các khoản thu quỹ tiền mặt	đồng		50,000,000	-	-	
	14/08/2026		NGUYEN THI HUONG RUT TIEN MAT			50,000,000	-	-	
							-	-	
			Các khoản chi tiêu tiền mặt				43,004,818		
C			Chi quỹ hoạt động Ban quản trị và quỹ cộng đồng: Định mức 20.000.000/1 tháng *3 tháng = 60.000.000 đồng	đồng	60,000,000		43,004,818	18,722,066	
1			Tháng 07/2026						
		1	Phí ship hồ sơ ra ngân hàng, hợp đồng				596,000		
		2	Cước điện thoại số hotline tháng 6				159,000		
		3	Cước điện thoại số hotline tháng 7				159,000		
		4	Mua chữ ký số				3,055,418		
		5	Đồ mực máy in				295,000		
		6	Mua nước uống				635,000		
		7	Mua văn phòng phẩm				4,568,400		
2			Tháng 08.9/2026						
		1	Mua nước uống				1,865,000		
		2	Phí ship hồ sơ				365,000		
		3	Mua văn phòng phẩm				1,451,000		
		4	Gia hạn website, hộp thư điện tử (mail) BQT				3,230,000		
		5	Mua 05 quạt cây sảnh và 01 quạt cây văn phòng BQT				16,250,000		

STT	NGÀY THÁNG	Người thực hiện	TÊN NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	Định mức/ dự toán	Số tiền thu vào	Số tiền chi ra	Số tiền tồn quỹ còn lại	GHI CHÚ
		6	Chi phí chứng chỉ quản lý vận hành nhà chung cư (QLVH) BQT				1,500,000		
		7	Cước điện thoại hotline tháng 8, tháng 9/2026				318,000		
		8	Mua hoa quả, bánh kẹo, nước uống Tết Trung thu				8,558,000		
C			Các khoản chi khác từ quỹ tiền mặt	đồng			-		
D			Số dư tiền mặt cuối kỳ 30/9/2026	đồng				18,722,066	
E			Tổng cộng			50,000,000	43,004,818		

Người lập



Trần Văn Anh

Kiểm soát



Lã Văn Nam

TM BQT khu Sapphire
Trưởng Ban



Nguyễn Thành Vinh